

Số: *56* /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *23* tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về mức hỗ trợ, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực

hiện đa dạng sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 216/TTr-LĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2024 và Báo cáo số 505/BC-LĐTBXH ngày 15 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về mức hỗ trợ, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 1, như sau:

“b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2, như sau:

“Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3, như sau:

“1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án

a) Hồ sơ dự án

Mẫu hồ sơ dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

b) Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án

- Bước 1: Thông báo công khai kế hoạch thực hiện dự án

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị trong thời gian tối thiểu 07 ngày làm việc.

- Bước 2: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư (chủ dự án) phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xây dựng hồ sơ đề nghị dự án theo mẫu hồ sơ quy định tại điểm a Khoản này và nộp 01 (một) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ).

- Bước 3: Thành lập Tổ thẩm định và thẩm định dự án

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án sản xuất của cộng đồng; đại diện cơ quan Tài chính - Kế hoạch và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định:

Hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Bước 4: Phê duyệt dự án

+ Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

+ Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ), vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ



trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng; giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3, như sau:

“a) Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)”.

5. Bổ sung khoản 3 vào Điều 3, như sau:

“3. Cơ chế, chính sách đặc thù

a) Về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất:

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”.

6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 6, như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3, như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để xem xét, quyết định giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ).

b) Về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt để luân chuyển trong cộng đồng:

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)".

b) Bãi bỏ khoản 4.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5, như sau:

"5. Đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên

a) Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ).

b) Về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt để luân chuyển trong cộng đồng:

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ).

c) Báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ 06 tháng, hằng năm và khi kết thúc dự án, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ) tổng hợp, báo cáo".

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024.
2. Đối với các dự án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ LĐTBXH);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. UBNDTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS, KGVX (57/bộ).

<Tannd T10.2024>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng